

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2024/HS-PT
Ngày: 22-8-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nhậm.

Các Thẩm phán: Ông Lê Hùng Cường

Ông Nguyễn Thiện Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Yến Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 94/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2024/HS-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

- Bị cáo kháng cáo:

Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1984, tại Nghệ An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 3.12 Homy L, phường B, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: 98, B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Ngọc T1, sinh năm: 1950 và bà Hoàng Thị H, sinh năm: 1955; vợ: Hoàng Thu H1, sinh năm: 1992; có 03 người con, lớn nhất sinh năm: 2012, nhỏ nhất sinh năm: 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 10/12/2023 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người không kháng cáo, kháng nghị không triệu tập:

- Bị hại: Lý Mỹ P, sinh năm: 1995.

Nơi cư trú: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Lê Thanh L, sinh năm: 1993.

Nơi cư trú: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

2. Hoàng Thu H1, sinh năm: 1992.

Nơi ĐKHKTT: 3.12 Homy L, Phường B, Thành phố T, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Số I, B, Phường A, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người làm chứng:*

1. Hồ Bích L1, sinh năm: 1977.

Nơi cư trú: 670, Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

2. Lý Kim Y, sinh năm: 1990.

Nơi cư trú: Số C, T, Phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trương Thị M, sinh năm: 1992.

Nơi cư trú: F, A, Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 01/10/2023, Nguyễn Ngọc T điều khiển xe mô tô biển số 59S1-664.93 chở vợ là Hoàng Thu H1 đến nhà của anh Lê Thanh L ở ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Long An để trang điểm cho cô dâu Lý Mỹ P (là vợ anh L). Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày thì H1 đã trang điểm xong cho cô dâu và đi ra ngoài cùng cô dâu, H1 kêu T vào phòng của chị P ở tầng trệt để lấy dụng cụ trang điểm về. Khi T vào phòng thì phát hiện một túi vải nằm ở góc trái phòng theo hướng từ cửa nhìn vào để trên nền gạch, bên trong có một túi nilon màu hồng có chứa 01 hộp nhựa màu vàng có chữ PNJ trên nắp hộp, đặt cạnh túi đồ nghề trang điểm của H1. T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, mở hộp nhựa ra phát hiện bên trong có 01 (một) dây chuyền vàng 18k trọng lượng 4,88 phân; 01 (một) mặt dây chuyền vàng 18k trọng lượng 2,93 phân có đính đá trọng lượng 0,56 phân kích thước 5,0 x 5,0 ly; 01 (một) dây chuyền vàng trắng 18k trọng lượng 15,285 phân; 01 (một) mặt dây chuyền vàng trắng 14k trọng lượng 03 phân, có đính đá kim cương kích thước 4,7 x 4,7 ly, trọng lượng 0,404 phân; số trang sức trên là của chị L2 Mỹ P đem theo về nhà chồng. T lấy số tài sản trên bỏ vào túi quần để hộp nhựa lại chỗ cũ, rồi lấy xe chở H1 về nhà, T cất giấu 02 sợi dây chuyền vào túi đeo chéo của T rồi treo lên sào quần áo ở nhà. Đến ngày 09/10/2023, T đem tài sản trộm cắp đến tiệm V, địa chỉ 1 N, Phường G, quận G, Thành Phố Hồ Chí Minh để thử vàng thật hay giả, qua thăm định hai dây chuyền là vàng thật còn mặt dây chuyền vàng trắng có đính đá trong suốt có thể là kim cương nên tiệm vàng phải gửi về công ty P1 thăm định. T đồng ý để lại viên kim cương và hai dây chuyền tại tiệm chờ có kết quả kiểm định thì mới bán, nếu hột đá là kim cương thì để lại sử dụng vì sợ phát hiện tài sản trộm cắp. Trong quá trình kiểm tra, viên đá đính trên mặt dây chuyền vàng 18k trọng lượng 2,93 phân có đính đá trọng lượng 0,56 phân kích thước 5,0 x 5,0 ly bị vỡ. Sau khi nhân

viên tiệm vàng kiểm tra thì dây chuyền vàng trắng có viên kim cương là sản phẩm của công ty P1 bán cho bà Hồ Bích L1 là người đứng tên trên hóa đơn mua vàng, nhân viên PNJ báo cho bà L1 biết việc có người đến đây bán vàng. Bà L1 (dì ruột của P) điện thoại báo cho P biết sự việc trên vì sợ trang sức bị mất trộm là do bà L1 dẫn P đi mua và P nhờ bà L1 đứng tên trên hóa đơn mua vàng giùm. Sau đó P đến công an xã T trình báo sự việc mất trộm. Qua mời làm việc, T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại biên bản và kết luận định giá tài sản số 41 ngày 05/12/2023 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh Long An kết luận: 01 (một) dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 4,88 phân; 01 (một) mặt dây chuyền vàng 18K trọng lượng 2,93 phân; 01 (một) dây chuyền vàng trắng trọng lượng 15,285 phân; 01 (một) mặt dây chuyền vàng trắng 14K trọng lượng 03 phân, có đính đá kim cương kích thước 4,7x4,7 ly, trọng lượng đá 0,404 phân. Giá trị tài sản là 62.343.000 đồng (Sáu mươi hai triệu ba trăm bốn mươi ba ngàn đồng).

Tại biên bản và kết luận định giá tài sản số 04 ngày 08/3/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh Long An kết luận: hạt đá trọng lượng 0,56 phân. Giá trị tài sản là 333.000 đồng (Ba trăm ba mươi ba ngàn đồng).

Tại Bản án số 24/2024/HS-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An đã tuyên xử.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 02 (hai) năm tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 03/5/2024, bị cáo Nguyễn Ngọc T kháng cáo xin xin giảm hình phạt và được cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã xử, bị cáo xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng, không oan, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm có nội dung:

Hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Khi lượng hình cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như: bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc T xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Xét thấy; cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tuyên phạt bị cáo mức án khởi điểm 02 năm tù là phù hợp tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Bị cáo kháng cáo không bổ sung tình tiết giảm nhẹ nào mới, bị hại Lý Mỹ P có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo chỉ có một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS không đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo có đầy đủ năng lực chịu TNHS, phạm tội với lỗi cố ý, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, chiếm đoạt tài sản có giá trị tương đối cao, do đó cần giữ y hình phạt tù đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa cho những hành vi tương tự nên không có căn cứ cho bị cáo hưởng án treo.

Từ những phân tích trên Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa Đề nghị HĐXX:

- Áp dụng Điểm a Khoản 1, Điều 355; Điều 356 BLTTHS Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc T giữ nguyên hình phạt của Bản án sơ thẩm số 24/2024/HS-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An đã áp dụng đối với bị cáo.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo kháng cáo bản án trong thời hạn theo quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người đại diện bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với bản kết luận định giá tài sản và các tài liệu và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 01/10/2023, Nguyễn Ngọc T chở vợ là Hoàng Thu H1 đến nhà của anh Lê Thanh L ở ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Long An để trang điểm cho chị Lý Mỹ P. Tại đây, T vào phòng của chị P lén lút lấy trộm số tài sản gồm: 01 (một) dây chuyền vàng 18k trọng lượng 4,88 phân, 01 (một) mặt dây chuyền vàng 18k trọng lượng 2,93 phân có đính đá trọng lượng 0,56 phân kích thước 5,0 x 5,0 ly; 01 (một) dây chuyền vàng trắng 18k trọng lượng 15,285 phân, 01 (một) mặt dây chuyền vàng trắng 14k trọng lượng 03 phân, có đính đá kim cương kích thước 4,7 x 4,7 ly, trọng lượng 0,404 phân với tổng giá trị tài sản là 62.676.000 đồng.

[3] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị là 62.676.000 đồng nên đã có đủ căn cứ xác định bị cáo đã có hành vi phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Án sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Án sơ thẩm đã áp dụng Khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, 2; Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 2 năm tù bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo:

[4.1] Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm hình phạt: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Khi xét xử sơ thẩm án sơ thẩm đã xác định: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu nên đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo 2 năm tù là có căn cứ phù hợp theo quy định của pháp luật. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt có cung cấp tình tiết bị hại Lý Mỹ P có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo chỉ có một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS không đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt để giảm thêm hình phạt đối với bị cáo nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[4.2] Xét yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo: Bị cáo trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ,

chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo trở thành người tốt đồng thời có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa cho những hành vi tương tự mà án sơ thẩm đã nhận xét là có căn cứ nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp.

[5] Từ các nhận xét tại mục [4] Hội đồng xét xử căn cứ Điểm a Khoản 1, Điều 355; Điều 356 BLTTHS Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc T giữ nguyên hình phạt của Bản án sơ thẩm số 24/2024/HS-ST ngày 12/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An đã áp dụng đối với bị cáo.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc T. Giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm số: 24/2024/HS-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

2. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm c, khoản 2, Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 02 (hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bị cáo Nguyễn Ngọc T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Nhậm